

Bản án số: 171/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 9 - 2024  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sơn Ngọc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Đào Việt Khái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trà Hoàng M, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Bà Lê Kim T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2024 nguyên đơn ông Trà Hoàng M trình bày:

Vào năm 2002, ông Trà Hoàng M và bà Lê Kim T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh C (nay là xã P, huyện P, tỉnh C) vào ngày 24 tháng 4 năm 2002, Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2002. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm cũng như về lối sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được. Ông M và bà T đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay ông Trà Hoàng M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Kim T.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa ông M và bà T có 02 người con chung tên Trà Kiều D, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 và Trà Trung N, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010. Hiện con chung Trà Kiều D đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Trà Trung N đang sống với ông M, khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng Trà Trung N, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Lê Kim T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng bà T vẫn không tham gia tố tụng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Trà Hoàng M ly hôn với bà Lê Kim T; Về con chung: Có 02 người con chung tên Trà Kiều D, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 và Trà Trung N, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010. Hiện con chung Trà Kiều D đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Hiện tại Trà Trung N đang sống chung với ông M. Ông Trà Hoàng M yêu cầu yêu cầu nuôi dưỡng Trà Trung N, cháu N có nguyện vọng sống chung cùng với ông M nên chấp nhận yêu cầu của ông Trà Hoàng M là phù hợp. Ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Trà Hoàng M với bà Lê Kim T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Kim T là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Kim T.

Ông Trà Hoàng M xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2002 ông Trà Hoàng M với bà Lê Kim T sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Do đó, hôn nhân của ông Trà Hoàng M với bà Lê Kim T là hợp pháp. Quá trình sống chung ông Trà Hoàng M cho rằng ông và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Ông Trà Hoàng M xác định không còn tình thương dành cho bà T và ông M yêu cầu ly hôn bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Trà Hoàng M với bà Lê Kim T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông Trà Hoàng M với bà Lê Kim T đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy bà T không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Đối với yêu cầu của ông M, bà T không có ý kiến gì. Xét cho ông Trà Hoàng M ly hôn với bà Lê Kim T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Quá trình sống chung ông M và bà T có 02 người con chung tên Trà Kiều D, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2003 và Trà Trung N, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010. Hiện con chung Trà Kiều D đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Trà Trung N đang sống chung với ông M. Mặt khác cháu Nghĩa có nguyện vọng sống cùng với ông Trà Hoàng M nên chấp nhận yêu cầu của ông Trà Hoàng M là phù hợp. Ông M không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trà Hoàng M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trà Hoàng M ly hôn với bà Lê Kim T.

2. Về con chung: Giao Trà Trung N, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 cho ông Trà Hoàng M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trà Hoàng M phải chịu 300.000 đồng. Ông Trà Hoàng M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003678 ngày 04/7/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**